

TÒA ÁN NHÂN D
HUYỆN BL
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/HS-ST

Ngày 25- 7- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BL, TỈNH CAO BẰNG

- T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim

Các Hội thẩm nhân D: Ông Hoàng Quang Thanh

Ông Hoàng Văn Quyết

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trịnh Văn San - Thư ký Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Q - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, Tại trụ sở Tòa án nhân D huyện BL, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2024/TLST- HS ngày 19 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

Hà Văn T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 10 tháng 12 năm 1978 tại huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: xóm BR, xã TH, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: lớp 0/12 (mù chữ); D tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Mai N (Đã chết) và con bà Triệu Thị K, sinh năm 1942; vợ: Nông Thị Đ, sinh năm 1982, con: 02, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2005; tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt hành chính; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/02/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Triệu Văn P (tên gọi khác: Không), sinh ngày 12 tháng 5 năm 2002 tại huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: xóm BR, xã TH, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: lớp 4/12; D tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn C, sinh năm 1974 và con bà Hoàng Mùi C (đã chết); vợ, con: chưa có; tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt hành chính; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/02/2024

đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Nông Văn Y (tên gọi khác: Không), sinh ngày 16 tháng 3 năm 1970 tại huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: xóm BR, xã TH, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: lớp 02/12; D tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn C (đã chết) và con bà Nông Thị K (đã chết); vợ: Long Thị C, sinh năm 1970, con: 04, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 2005; tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt hành chính; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/02/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Triệu Văn C (tên gọi khác: Không), sinh ngày 01 tháng 3 năm 1986 tại huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: xóm BR, xã TH, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: lớp 0/12 (mù chữ); D tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Chồng T, sinh năm 1968 và con bà Triệu Mùi N (đã chết); vợ: Triệu Thị M, sinh năm 1984, con: 02, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2005; tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt hành chính; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/02/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Nông Văn M (tên gọi khác: Không), sinh ngày 12 tháng 4 năm 1986 tại huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: xóm BR, xã TH, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: lớp 12/12; D tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn C, sinh năm 1959 và con bà Mã Thị Đ, sinh năm 1959; vợ: Mạc Thị H, sinh năm 1986, con: 01 con, sinh năm 2012; tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt hành chính; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/02/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Triệu Văn T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 21 tháng 5 năm 1996 tại huyện HQ, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: xóm BR, xã TH, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 01/12; D tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Trùng V, sinh năm 1970 và con bà Triệu Mùi P, sinh năm 1971; vợ: Tần Mùi G, sinh năm 1998, con: 02, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt hành chính; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/02/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Triệu Văn C (tên gọi khác: Không), sinh ngày 09 tháng 10 năm 1985 tại huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: xóm BR, xã TH, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 8/12; D tộc: Tày; giới

tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn U (đã chết) và con bà Vương Thị L, sinh năm 1956; vợ: Côn Thị T, sinh năm 1989, con: 03, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt hành chính; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/02/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Triệu Văn T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 11 tháng 01 năm 2000 tại huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: xóm BR, xã TH, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: lớp 01/12; D tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn L, sinh năm 1966 và con bà Triệu Mùi N, sinh năm 1964; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt hành chính; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/02/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Triệu Văn D (tên gọi khác: Không), sinh ngày 03 tháng 3 năm 2000 tại huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: xóm BR, xã TH, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 05/12; D tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn C, sinh năm 1974 và con bà Hoàng Mùi C (đã chết); vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt hành chính; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/02/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Hà Văn T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 20 tháng 02 năm 1986 tại huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: xóm BR, xã TH, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: lớp 12/12; D tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Mai N (Đã chết) và con bà Triệu Thị K, sinh năm 1942; vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1988, con: 02, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt hành chính; Bị cáo bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định Đình chỉ sinh hoạt đảng số xx-QĐ/UBKTHU ngày 17/6/2024 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy BL; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/02/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Hà Văn T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 16 tháng 5 năm 2005 tại huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: xóm BR, xã TH, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: lớp 8/12; D tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn L, sinh năm 1973 và con bà Nông Thị T, sinh năm 1983; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt hành chính; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày

05/02/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Triệu Văn Q (tên gọi khác: Không), sinh ngày 15 tháng 02 năm 1988 tại huyện HQ, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: xóm BR, xã TH, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: lớp 4/12; D tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Đình V (đã chết) và con bà Triệu Thị D, sinh năm 1955; vợ: Triệu Thị P, sinh năm 1987; con: 03, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Bị cáo bị Toà án nhân dân huyện PH nay là Toà án nhân dân huyện QH kết án về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo Bản án số 21/HSST ngày 27/9/2018, xử phạt 02 năm 06 tháng tù; Ngày 14/9/2022, bị cáo bị Ủy ban nhân dân xã YT, huyện BL, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính số 143/QĐ-XPVPHC về hành vi Trộm cắp tài sản, phạt 2.000.000 đồng. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/02/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Triệu Văn C (tên gọi khác: Không), sinh ngày 14 tháng 01 năm 1974 tại huyện NB, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: xóm BR, xã TH, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: lớp 0/12 (mù chữ); D tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Trần N (đã chết) và con bà Triệu Mùi C, sinh năm 1954; vợ: Hoàng Mùi C (đã chết), con: 03, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2002; tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt hành chính; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/02/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Hoàng Văn D (tên gọi khác: Không), sinh ngày 01 tháng 02 năm 1990 tại huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: xóm BR, xã TH, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: lớp 12/12; D tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1965 và con bà Lô Thị N, sinh năm 1964; vợ: Mạc Thị T, sinh năm 1992, con: 02, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định Đình chỉ sinh hoạt đảng số xx-QĐ/UBKTHU ngày 17/6/2024 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy BL; Nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt hành chính; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/02/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Triệu Văn P (tên gọi khác: Không), sinh ngày 21 tháng 10 năm 1990 tại huyện HQ, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: xóm BR, xã TH, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: lớp 0/12 (mù chữ); D tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Đình V (đã chết) và con bà Triệu Mùi D, sinh năm 1955; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt

hành chính; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/02/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Nông Văn T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 12 tháng 8 năm 1989 tại huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: xóm BR, xã TH, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: lớp 12/12; D tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn M (đã chết) và con bà Ban Thị N, sinh năm 1963; vợ: Nông Thị M, sinh năm 1991, con: 02, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt hành chính; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/02/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

+ Triệu Văn K, sinh ngày 22/5/1999; Nơi cư trú: xóm BR, xã TH, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

+ Triệu Văn T, sinh ngày 18/3/2008; Nơi cư trú: xóm BR, xã TH, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

- Người đại diện hợp pháp của người làm chứng Triệu Văn T: Triệu Văn N, sinh 23/02/1985; Nơi cư trú: xóm BR, xã TH, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

- Người phiên dịch tiếng Dao: Phương Văn L; Địa chỉ: Khu x, thị trấn PM, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 01 giờ 00 phút ngày 02/02/2024, tổ công tác của Công an huyện BL, tỉnh Cao Bằng đang làm nhiệm vụ tại xóm BR, xã TH thì phát hiện và bắt quả tang một tụ điểm đánh bạc dưới hình T4 “Xóc đĩa” được thua bằng tiền mặt. Tổ công tác đã khống chế được 12 đối tượng gồm Triệu Văn P, Triệu Văn T, Triệu Văn D, Hà Văn T, Nông Văn M, Nông Văn Y, Hà Văn T1, Triệu Văn Q, Triệu Văn T, Triệu Văn C, Hà Văn T2, Triệu Văn C; 03 đối tượng lợi dụng đêm tối đã bỏ trốn là Hoàng Văn D, Nông Văn T, Triệu Văn P2.

Tang vật thu giữ: Tiền mặt 150.000 đồng; 03 chiếc chiếu nhựa, 01 chiếc đĩa sứ, 04 mảnh tre hình vuông, kích thước các cạnh là 01 cm, dày 0,1 cm, một mặt giữ nguyên màu nâu – vàng của tre, một mặt được tô màu đen; 01 chiếc bát nhựa; 01 chiếc đĩa tre.

Kiểm tra trên người các đối tượng đã phát hiện và thu giữ: Triệu Văn P số tiền 5.260.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme; Triệu Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A17; Triệu Văn D số tiền 1.000.000

đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo; Triệu Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8; Nông Văn M số tiền 1.370.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo; Hà Văn T1 số tiền 3.330.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo; Nông Văn Y số tiền 450.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart; Triệu Văn C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V15; Hà Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo; Hà Văn T2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X Plus; Triệu Văn C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo; Triệu Văn Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia.

Tiến hành kiểm tra mở rộng xung quanh vị trí bắt quả tang, tại đường mòn D sinh thuộc xóm BR, xã TH, huyện BL, tỉnh Cao Bằng, cách vị trí bắt quả tang khoảng 10 mét phát hiện, thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, biển kiểm soát: 11M1 - xxx; - 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS, biển kiểm soát: 11Z2- xxx; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, biển kiểm soát: 11M1: xxx; 01 xe mô tô nhãn hiệu Airblade, biển kiểm soát: 11M1 xxx; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, biển kiểm soát: 99G1-xxx; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát: 11M1-xxx; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát: 11M1-xxx; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, biển kiểm soát: 11L1 - xxx.

Ngày 02/02/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BL đã triệu tập Hoàng Văn D, Nông Văn T, Triệu Văn P để làm rõ sự việc. Quá trình làm việc, Hoàng Văn D tự nguyện nộp số tiền 20.000 đồng; Nông Văn T tự nguyện nộp 90.000 đồng.

Thời điểm bắt quả tang, Triệu Văn C đã đi ngủ. Đến 12 giờ 40 phút ngày 02/02/2024, C2 đã đến Công an huyện BL để đầu thú về việc C2 tham gia đánh bạc.

Tại cơ quan điều tra, các đối tượng khai nhận như sau: Khoảng 19 giờ ngày 01 tháng 02 năm 2024, Triệu Văn P, Triệu Văn T (sinh năm 1996) đi đón anh trai của P là Triệu Văn D đi làm thuê về. Sau khi đón được D, trên đường về nhà P, T, D vào quán tạp hóa ở trong xóm BR, xã TH mua T4 ăn để về nhà, cả ba cùng nhau ngồi uống bia tại đây, lúc này, Triệu Văn T cùng cháu là Triệu Văn T (sinh năm 2008) cũng đến quán thì gặp P và D. P và D rủ T và T uống bia, tiếp đó P và D lại rủ T, T về nhà ăn cơm, T, T (sinh năm 2008) và T (sinh năm 1996) đồng ý. Khoảng 20 giờ cùng ngày, P và D đi về nhà trước để nấu cơm, sau đó, T (sinh năm 1996) đi đến nhà P, T và T (sinh năm 2008) cũng cùng nhau đi đến nhà P. Sau khi làm cơm xong thì P, D, T, T (sinh năm 2008), T, (sinh năm 1996) và Triệu Văn C (bố đẻ của D và P) ăn cơm. Trong lúc ăn cơm, có Triệu Văn P đến chơi do biết D vừa đi làm thuê về, mọi người mời P ăn cơm nên P đồng ý. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, Hoàng Văn D và Nông Văn M đến nhà P chơi, khi đó, mọi người vẫn đang ăn cơm nên M, D ngồi uống nước ở trên bàn. Sau khi ăn cơm xong thì P, T (sinh năm 1996) lên bàn ngồi

uống nước với D và M. Lúc này cả bốn người rủ nhau đánh bạc bằng hình T4 “Xóc đĩa”. M bảo P đi chuẩn bị các công cụ để mọi người đánh bạc. P đi vào bếp nhà P lấy một con dao rồi cắt từ mảnh tre T 04 quân “vị”, P bôi một mặt quân “vị” vào chảo đen để một mặt quân “vị” T màu đen, mặt còn lại giữ nguyên màu nâu vàng của tre. Sau khi cắt quân “vị” xong thì P cắt dao lại vị trí cũ. P tiếp tục đi vào bếp nhà của P lấy một bát nhựa, một đĩa men sứ, một chiếc đĩa để làm công cụ, phương tiện đánh bạc. Sau khi đã chuẩn bị công cụ để đánh bạc thì P, M, T, D ra chiếu đã được trải sẵn ở giữa nhà, gần cửa chính để đánh bạc. Luật chơi như sau:

Sử dụng một cái bát, một cái đĩa dùng để xóc 04 mảnh tre nhỏ hình vuông, mỗi mảnh có hai mặt, một mặt màu đen, mặt còn lại giữ nguyên màu nâu vàng của phần trong cây tre gọi là “vị”. Mỗi ván sẽ cử ra một người để cầm bát, đĩa, “vị” để xóc. Khi xóc đĩa xong đặt xuống thì mọi người sẽ đặt cửa (đặt cược) gồm hai “cửa” là “chẵn” (gồm các “vị” tương ứng sau khi xóc là hai “vị” nâu vàng và hai “vị” đen; bốn “vị” đều nâu vàng hoặc đều là đen) và “lẻ” (gồm các “vị” tương ứng sau khi xóc là một “vị” nâu vàng và ba “vị” đen; ba “vị” đều nâu vàng và một “vị” đen). Sử dụng một chiếc đĩa đặt ở trên chiếu để chia hai bên T cửa “chẵn”, “lẻ”. Khi đặt tiền không Q ước và không giới hạn số tiền đặt cược miễn sao cho số tiền đặt cược ở hai bên cửa “chẵn” và “lẻ” bằng nhau. Sau khi người chơi đặt cược số tiền xong sẽ tiến hành mở bát lên để mọi người cùng chơi thấy “vị” sau khi xóc. Người thắng là người đặt cược ở bên “chẵn” hoặc “lẻ” tương ứng số “vị” ván đó, người thắng cược sẽ lấy số tiền bên cửa thua tương đương số tiền mà mình đã đặt cược.

Trong khi những người này đang chuẩn bị công cụ để đánh bạc, C2 lên giường đi ngủ, còn P, D, T, T (sinh năm 2008) ngồi ở bàn uống nước.

Cùng thời gian trên, Nông Văn T, Triệu Văn C, Nông Văn Y, Hà Văn T đang uống rượu ở nhà Hà Văn T và chuẩn bị đi đám ma ở trong xóm thì biết được tại nhà P đang đánh bạc. Sau đó, T, C, Y, T2, T1 cùng nhau đi đến đám ma ở trong xóm, khi đi qua nhà P thì thấy có nhiều xe máy ở trên đường nên T, C, Y, T2, T1 cùng nhau đi vào nhà P thì thấy D, P, T, M đang đánh bạc ở giữa nhà và một số người đang ngồi ở bàn uống nước. C vào ngồi uống rượu cùng P, D còn T, T1, Y, T2 tham gia đánh bạc cùng D, P, T, M. Sau đó, C cũng tham gia đánh bạc cùng những người này. Một lúc sau thì T, P, D cũng tham gia đánh bạc cùng mọi người. Khi những người trên đang đánh bạc thì C2 tỉnh dậy và tham gia đánh bạc cùng. C2 đánh cược được hai lần nhưng thua hết tiền nên lại tiếp tục đi ngủ.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, Triệu Văn C đi đến quán nước ở trong xóm. Khi đi qua nhà P, C3 nhìn thấy có nhiều xe máy, C3 dừng xe và đi vào nhà P chơi. Vào trong nhà, C3 nhìn thấy mọi người đang đánh bạc nên C3 đã tham gia đánh bạc cùng. Khoảng 23 giờ cùng ngày, Triệu Văn Q một mình điều khiển xe

máy đi đến nhà P chơi, đến nơi, Q thấy trong nhà có nhiều người đang đánh bạc bằng hình T4 “Xóc đĩa” nên đã tham gia đánh bạc cùng. T đánh bạc và bị thua nên rời khỏi nhà P đi đến quán tạp hóa ở trong xóm thì T gặp Hà Văn T đi uống rượu về, tại đây, T hỏi vay tiền T4 nhưng T4 nói không có tiền, T nói với T4 là đang đánh bạc ở trên nhà P nên T4 cùng T đi đến nhà P và T4 đã tham gia đánh bạc cùng mọi người. Vị trí ngồi đánh bạc, các bị cáo đều không nhớ. Số tiền từng bị cáo đánh bạc cụ thể như sau:

Triệu Văn D sử dụng số tiền 1.000.000 đồng để tham gia đánh bạc, khi bị bắt quả tang, D không thắng, không thua, vẫn còn nguyên 1.000.000 đồng.

Triệu Văn C sử dụng số tiền 20.000 đồng để tham gia đánh bạc và đã thua hết số tiền này.

Triệu Văn P sử dụng số tiền 70.000 đồng để tham gia đánh bạc, P đánh bạc và thua hết số tiền này.

Triệu Văn C sử dụng số tiền 120.000 đồng để tham gia đánh bạc, C3 đánh bạc thua hết số tiền này.

Nông Văn T sử dụng số tiền 630.000 đồng để tham gia đánh bạc. Quá trình đánh bạc, T cho M vay số tiền 500.000 đồng, M thắng cược nên đã trả lại cho T, T tiếp tục sử dụng số tiền M trả để tham gia đánh bạc. T hỏi mượn P số tiền 1.000.000 đồng để tham gia đánh bạc, T thắng cược nên đã trả lại cho P. Khi lực lượng Công an bắt quả tang thì T đã bỏ chạy và cầm theo số tiền 90.000 đồng, T đánh bạc thua số tiền 540.000 đồng.

Triệu Văn T sử dụng số tiền 120.000 đồng để tham gia đánh bạc, T đánh bạc thua hết số tiền này.

Hoàng Văn D sử dụng số tiền 40.000 đồng để tham gia đánh bạc. Khi lực lượng Công an bắt quả tang thì D đã bỏ chạy được và cầm theo số tiền 20.000 đồng, D đánh bạc thua 20.000 đồng.

Triệu Văn C sử dụng số tiền 50.000 đồng để tham gia đánh bạc, C đánh bạc thua hết số tiền này.

Triệu Văn P sử dụng số tiền 8.200.000 đồng để tham gia đánh bạc. Trước khi đánh bạc, P cho T2 vay số tiền 1.000.000 đồng, T2 thắng cược nên đã trả lại cho P, P đã sử dụng số tiền này và số tiền có trong người để tiếp tục đánh bạc. P cho T vay số tiền 1.000.000 đồng, T đánh bạc thắng cược đã trả lại cho P, P đã sử dụng số tiền này để tiếp tục đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, P đánh bạc thua 2.940.000 đồng, thu trên người còn 5.260.000 đồng.

Nông Văn M sử dụng số tiền 270.000 đồng để tham gia đánh bạc. Trong lúc đánh bạc, do bị thua cược nên M đã hỏi vay T số tiền 500.000 đồng, T đồng ý và lấy 500.000 đồng trong số tiền T sử dụng để đánh bạc đưa cho M. M sử dụng số tiền vay T tiếp tục đánh bạc và thắng cược nên đã trả lại cho T. Khi bị

bắt quả tang, M đánh bạc thắng 1.100.000 đồng nên trên người M thu được số tiền 1.370.000 đồng.

Hà Văn T sử dụng số tiền 30.000 đồng để tham gia đánh bạc. T4 đánh bạc thua hết số tiền này.

Nông Văn Y sử dụng số tiền 110.000 đồng để tham gia đánh bạc. Y đánh bạc thắng 340.000 đồng, vì vậy, khi bắt quả tang, thu trên người Y có số tiền 450.000 đồng.

Triệu Văn Q sử dụng số tiền 200.000 đồng để tham gia đánh bạc. Q đánh bạc thua hết số tiền này.

Hà Văn T sử dụng số tiền 70.000 đồng để tham gia đánh bạc. T2 hỏi vay tiền của P 1.000.000 đồng, khi vay tiền của P thì T2 nói vay tiền có việc, không nói cho P biết mục đích vay tiền để làm gì, P khi đó đang uống rượu nên không nhìn thấy T2 đã đánh bạc hay chưa nên đã đồng ý cho T2 vay số tiền này. T2 thắng cược nên đã trả lại cho P. Khi bị bắt quả tang T2 thắng cược số tiền 3.260.000 đồng, T2 để trong túi quần trước bên phải số tiền 330.000 đồng, để giữa ốp điện thoại và điện thoại số tiền 3.000.000 đồng, tổng số tiền thu được của T2 là 3.330.000 đồng.

Hà Văn T sử dụng số tiền 60.000 đồng để tham gia đánh bạc. T1 đánh bạc thua hết số tiền này.

Triệu Văn T sử dụng số tiền 100.000 đồng để tham gia đánh bạc. T đánh bạc thua hết số tiền này.

Đối với Triệu Văn C, trước khi các đối tượng tham gia đánh bạc tại nhà của C2 đều không hỏi ý kiến của C2, vì C2 đã đi ngủ. C2 không chuẩn bị công cụ, phương tiện đánh bạc, không được hưởng lợi gì từ các đối tượng đánh bạc. Khi C2 tỉnh dậy đã tham gia đánh bạc cùng các đối tượng, biết được các đối tượng đánh bạc tại nhà mình nhưng C2 không can ngăn do nể nang là người cùng xóm, mỗi lần các đối tượng đánh bạc chỉ có từ bảy đến 8 người tham gia đặt cược, do đó, hành vi của C2 không đủ yếu tố cấu T tội Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc.

Các đồ vật cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BL trả lại cho các chủ sở hữu gồm: Trả cho bà Triệu Thị L 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu đen, biển kiểm soát: 11M1: xxx; Trả cho bà Triệu Mùi H 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha, biển kiểm soát: 99G1 - 377.88; Trả cho ông Triệu Văn N 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave RS, biển kiểm soát: 11Z2 – 0935. Những vật chứng, tài sản còn lại của vụ án được chuyển đến Chi cục Thi hành án D sự huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

Bản Cáo trạng số 26/CT-VKSBL ngày 17/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo Triệu Văn P, Triệu Văn T, Triệu Văn D, Hà Văn T, Nông Văn M, Nông Văn Y, Hà Văn T, Triệu Văn

Q, Triệu Văn T, Triệu Văn C, Hà Văn T, Triệu Văn C, Hoàng Văn D, Nông Văn T, Triệu Văn P, Triệu Văn C về tội Đánh bạc theo Q định tại khoản 1, Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Triệu Văn P, Triệu Văn T, Triệu Văn D, Hà Văn T, Nông Văn M, Nông Văn Y, Hà Văn T, Triệu Văn Q, Triệu Văn T, Triệu Văn C, Hà Văn T, Triệu Văn C, Hoàng Văn D, Nông Văn T, Triệu Văn P, Triệu Văn C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Tài sản các bị cáo đề nghị trả lại, bị cáo Triệu Văn P đề nghị trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme; bị cáo Triệu Văn T đề nghị trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A17; bị cáo Triệu Văn D đề nghị trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo; bị cáo Triệu Văn T đề nghị trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8; bị cáo Nông Văn M đề nghị trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo; bị cáo Hà Văn T đề nghị trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo; bị cáo Nông Văn Y đề nghị trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart; bị cáo Triệu Văn C đề nghị trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V15, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, biển kiểm soát: 11M1 - xxx; bị cáo Hà Văn T đề nghị trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, 01 xe mô tô nhãn hiệu Airblade, biển kiểm soát: 11M1 xxx; bị cáo Hà Văn T đề nghị trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X Plus; bị cáo Triệu Văn C đề nghị trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát: 11M1-xxx; bị cáo Triệu Văn Q đề nghị trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia; bị cáo Hoàng Văn D đề nghị trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát: 11M1-xxx; bị cáo Nông Văn T đề nghị trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, biển kiểm soát: 11L1 - xxx.

Trong phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố đối với các bị cáo theo Cáo trạng 26/CT-VKSBL ngày 17/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Triệu Văn P, Triệu Văn T, Triệu Văn D, Hà Văn T, Nông Văn M, Nông Văn Y, Hà Văn T, Triệu Văn Q, Triệu Văn T, Triệu Văn C, Hà Văn T, Triệu Văn C, Hoàng Văn D, Nông Văn T, Triệu Văn P, Triệu Văn C phạm tội Đánh bạc;

Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm s, i, khoản 1, Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Hoàng Văn D, Nông Văn T; Hà Văn T, Hà Văn T (áp dụng thêm cho bị cáo Hà Văn T, Hà Văn T khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự); Xử phạt bị cáo D, T, T1, T2 mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Triệu Văn Q. Xử phạt bị cáo Q

từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm s, i, khoản 1, Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nông Văn M, Triệu Văn P, Triệu Văn P; Xử phạt các bị cáo M, P, P mỗi bị cáo từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm s, i, khoản 1, Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Triệu Văn D, Triệu Văn T, Nông Văn Y, Triệu Văn T, Triệu Văn C, Hà Văn T, Triệu Văn C, Triệu Văn C (áp dụng thêm cho bị cáo Triệu Văn C khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự); Xử phạt các bị cáo D, T, Y, T, C3, T4, C, C2 mỗi bị cáo từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng, tài sản: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu, tiêu huỷ: 01 chiếc chiếu nhựa màu xanh – vàng – trắng, 02 chiếc chiếu nhựa màu đỏ – vàng – trắng; 01 chiếc đĩa sứ, 04 mảnh tre hình vuông, kích thước các cạnh là 01 cm, dày 0,1 cm, một mặt giữ nguyên màu nâu – vàng của tre, một mặt được tô màu đen; 01 chiếc bát nhựa; 01 chiếc đĩa tre; Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 11.676.000 đồng; Trả lại cho các bị cáo 12 chiếc điện thoại di động và 05 chiếc xe mô tô.

Về án phí: Tại phiên tòa, các bị cáo nộp đơn xin miễn án phí, các bị cáo thuộc trường hợp miễn án phí, đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho các bị cáo theo Q định của pháp luật.

Bị cáo Q tranh luận, xin được hưởng án treo; Các bị cáo khác không có ý kiến tranh luận với Đại diện Viện kiểm sát.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận với bị cáo Q: Điều kiện để được hưởng án treo là có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên, trong đó có ít nhất 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Q định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Q có nhân thân xấu và bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự, vì vậy, bị cáo không có đủ điều kiện để hưởng án treo; Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện BL, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm Qền, trình tự, thủ tục Q định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo

không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào khoản 1, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ; Tại phiên tòa các bị cáo giao nộp đơn xin miễn án phí phù hợp với Q định tại điểm đ, khoản 2, Điều 61 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[3] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có đủ căn cứ kết luận: Vào hồi 01 giờ 00 phút ngày 02/02/2024, tại xóm BR, xã TH, huyện BL, tỉnh Cao Bằng, các bị cáo Triệu Văn P, Triệu Văn T, Triệu Văn D, Hà Văn T, Nông Văn M, Nông Văn Y, Hà Văn T, Triệu Văn Q, Triệu Văn T, Triệu Văn C, Hà Văn T, Triệu Văn C, Hoàng Văn D, Nông Văn T, Triệu Văn P, Triệu Văn C đã cá cược được thua bằng tiền với nhau dưới hình T4 “Xóc đĩa”. Số tiền thu trên chiếu bạc là 150.000 đồng, số tiền thu trên người các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 11.410.000 đồng, số tiền đánh bạc các bị cáo nộp lại là 110.000 đồng, tổng số tiền các bị cáo đã sử dụng để cá cược là 11.670.000 đồng. Hành vi cá cược được thua bằng tiền dưới hình T4 “Xóc đĩa” của các bị cáo với số tiền trên 5.000.000 đồng là các bị cáo đã phạm tội Đánh bạc theo khoản 1, Điều 321 của Bộ luật Hình sự, do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo Triệu Văn P, Triệu Văn T, Triệu Văn D, Hà Văn T, Nông Văn M, Nông Văn Y, Hà Văn T, Triệu Văn Q, Triệu Văn T, Triệu Văn C, Hà Văn T, Triệu Văn C, Hoàng Văn D, Nông Văn T, Triệu Văn P, Triệu Văn C về tội Đánh bạc theo khoản 1, Điều 321 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Đồng phạm, tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo Triệu Văn P, Triệu Văn T, Triệu Văn D, Hà Văn T, Nông Văn M, Nông Văn Y, Hà Văn T, Triệu Văn Q, Triệu Văn T, Triệu Văn C, Hà Văn T, Triệu Văn C, Hoàng Văn D, Nông Văn T, Triệu Văn P, Triệu Văn C tham gia cá cược với nhau nên là đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn do các bị cáo nhất thời phạm tội, không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự bàn bạc, phân công, tổ chức, các bị cáo đều là người thực hành. Trong vụ án có nhiều đồng phạm, Hội đồng xét xử xác định vai trò của các bị cáo như sau: Bị cáo M là người khởi xướng đánh bạc, bị cáo P trực tiếp chuẩn bị công cụ phạm tội, bị cáo P sử dụng số tiền nhiều nhất tham gia đánh bạc nên có vai trò cao nhất trong vụ án; bị cáo D sử dụng số tiền nhiều thứ hai sau bị cáo P, các bị cáo Hà Văn T, Nông Văn T tích cực tham gia đánh bạc vì khi sử dụng hết số tiền mang theo các bị cáo còn

mượn của bị cáo khác để tiếp tục đánh bạc, nên các bị cáo có vai trò ngang nhau và xếp thứ hai trong vụ án; các bị cáo còn lại là Triệu Văn T, Hà Văn T, Nông Văn Y, Triệu Văn Q, Triệu Văn T, Triệu Văn C, Hà Văn T, Triệu Văn C, Hoàng Văn D, Triệu Văn C sử dụng số tiền ít hơn để tham gia đánh bạc nên có vai trò thấp nhất trong vụ án. Hành vi phạm tội của các bị cáo Tuyên thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm vào trật tự an toàn xã hội, đánh bạc trái phép là nguyên nhân phát sinh các tội phạm khác. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận T4 được rõ hành vi cá cược được thua bằng tiền trái Q định là vi phạm pháp luật nhưng vì hám lời bất chính mà các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, cần thiết phải xử phạt nghiêm đối với các bị cáo. Tuyên nhiên cần xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo.

[5] Về nhân thân: Bị cáo Q không có tiền án, tiền sự, nhưng trước đó bị cáo đã bị kết án theo Bản án số 21/HSST ngày 27/9/2018 của Toà án nhân dân huyện PH nay là Toà án nhân dân huyện QH, tỉnh Cao Bằng về tội Mua bán trái phép chất ma túy và bị xử phạt vi phạm hành chính, Quyết định số 143/QĐ-XPVPHC ngày 14/9/2022 của Ủy ban nhân dân xã YT, huyện BL, tỉnh Cao Bằng về hành vi Trộm cắp tài sản, điều đó thể hiện bị cáo chưa chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước nên Hội đồng xét xử xác định bị cáo Q có nhân thân xấu. Các bị cáo khác trong vụ án chưa có tiền án, tiền sự nên có nhân thân tốt.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều thể hiện thái độ T khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, trước khi xét xử, bị cáo Hoàng Văn D đã tác động gia đình nộp số tiền 30.000.000 đồng, các bị cáo T1, T, T2 tự nguyện nộp số tiền 20.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án D sự huyện BL để khắc phục, sửa chữa lỗi lầm do hành vi vi phạm của bản thân, Hội đồng xét xử xét cho các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Triệu Văn P, Triệu Văn T, Triệu Văn D, Hà Văn T, Nông Văn M, Nông Văn Y, Hà Văn T, Triệu Văn T, Triệu Văn C, Hà Văn T, Triệu Văn C, Hoàng Văn D, Nông Văn T, Triệu Văn P, Triệu Văn C phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo Triệu Văn C đầu thú về hành vi phạm tội của bản thân, bị cáo Hà Văn T, Hà Văn T có bố đẻ là Hà Mai N được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba, Huân chương chiến sĩ về vàng nên Hội đồng xét xử xét cho các bị cáo C2, T2, T1 được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về hình phạt chính:

[8.1] Bị cáo Q có nhân thân xấu, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại cơ sở giam giữ mới đảm bảo tính nghiêm M của pháp luật, răn đe đối với bị cáo, giúp cho bị cáo trở T công D tốt cho xã hội. Bị cáo Q xin được hưởng án treo nhưng do bị cáo có nhân thân xấu và chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự, do đó, bị cáo không có đủ điều kiện để áp dụng Án treo theo Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 2, Nghị Quyết số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022, Nghị Quyết hướng dẫn áp dụng điều 65 của bộ luật hình sự về án treo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị xin được hưởng án treo của bị cáo.

[8.2] Các bị cáo Hoàng Văn D, Hà Văn T, Hà Văn T, Nông Văn T có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, xét về khả năng, điều kiện thi hành án, bị cáo D nộp số tiền 30.000.000 đồng, các bị cáo T1, T, T2 tự nguyện nộp số tiền 20.000.000 đồng để đảm bảo cho việc thi hành án, do đó, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần phạt tiền theo Điều 35 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo trở T công D tốt cho gia đình và xã hội.

[8.3] Các bị cáo khác còn lại trong vụ án đều có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, xét thấy, việc không bắt các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì cũng không gây nguyên hiềm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, đề cao chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội, tạo cơ hội cho các bị cáo sửa chữa lỗi lầm, cải tạo T công D có ích cho gia đình và xã hội, cho các bị cáo hưởng án treo, phù hợp Q định với Điều 2, Nghị Quyết số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022, Nghị Quyết hướng dẫn áp dụng điều 65 của bộ luật hình sự về án treo. Căn cứ vào vai trò đồng phạm của các bị cáo trong vụ án và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, mức hình phạt đối với các bị cáo P, M, P cao hơn mức hình phạt đối với các bị cáo khác.

[9] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào khoản 3, Điều 321 của Bộ luật Hình sự "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*", bị cáo D, T1, T, T2 bị áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 32 của Bộ luật Hình sự, các bị cáo D, T1, T, T2 không bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền; Các bị cáo khác còn lại trong vụ án, qua các tài liệu có trong hồ sơ và xét hỏi công khai tại phiên toà, xác định, các bị cáo thuộc hộ nghèo, cận nghèo, không có tài sản nên Hội đồng xét xử miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 11.676.000 đồng, là số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc nên cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước theo điểm b, khoản 1, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b, khoản 2, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Đối với 01 chiếc chiếu nhựa màu xanh – vàng – trắng, 02 chiếc chiếu nhựa màu đỏ – vàng – trắng; 01 chiếc đĩa sứ, 04 mảnh tre hình vuông, kích thước các cạnh là 01 cm, dày 0,1 cm, một mặt giữ nguyên màu nâu – vàng của tre, một mặt được tô màu đen; 01 chiếc bát nhựa; 01 chiếc đũa tre đã sử dụng để đánh bạc, công cụ phạm tội, cần tịch thu, tiêu huỷ theo điểm a, khoản 1, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, khoản 2, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Đối với các tài sản khác, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo và các bị cáo đều có đề nghị được trả lại, cần chấp nhận căn cứ vào điểm a, khoản 3, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Trả lại cho bị cáo Triệu Văn P 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme; trả lại cho bị cáo Triệu Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A17; trả lại cho bị cáo Triệu Văn D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo; trả lại cho bị cáo Triệu Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8; trả lại cho bị cáo Nông Văn M 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo; trả lại cho bị cáo Hà Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo; trả lại cho bị cáo Nông Văn Y 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart; trả lại cho bị cáo Triệu Văn C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V15; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, biển kiểm soát: 11M1 - xxx; trả lại cho bị cáo Hà Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, 01 xe mô tô nhãn hiệu Airblade, biển kiểm soát: 11M1 xxx; trả lại cho bị cáo Hà Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X Plus; trả lại cho bị cáo Triệu Văn C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát: 11M1-xxx; trả lại cho bị cáo Triệu Văn Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia; trả lại cho bị cáo Hoàng Văn D 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát: 11M1-xxx; trả lại cho bị cáo Nông Văn T 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, biển kiểm soát: 11L1 - xxx.

Xác nhận, các vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án D sự huyện BL, tỉnh Cao Bằng và được ghi chi tiết tại biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 39 ngày 18/6/2024.

[11] Các vấn đề khác: Đối với Triệu Văn C, trước khi các đối tượng tham gia đánh bạc tại nhà của C2 đều không hỏi ý kiến của C2, vì C2 đã đi ngủ. C2 không chuẩn bị công cụ, phương tiện đánh bạc, không được hưởng lợi gì từ các đối tượng đánh bạc. Khi C2 tỉnh dậy đã tham gia đánh bạc cùng các đối tượng, biết được các đối tượng đánh bạc tại nhà mình nhưng C2 không can ngăn do nể nang là người cùng xóm, mỗi lần các đối tượng đánh bạc chỉ có từ bảy đến 8 người tham gia đặt cược, do đó, hành vi của C2 không đủ yếu tố cấu T tội Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc, Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về án phí hình sự: Xét đơn xin miễn án phí của các bị cáo, các bị cáo là người D tộc thiểu số, thuộc hộ nghèo, cận nghèo nên được miễn án phí

hình sự sơ thẩm theo điểm đ, khoản 1, Điều 12, Điều 14 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Q định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

[13] Về Qên kháng cáo: Các bị cáo có Qên kháng cáo bản án theo Q định tại Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[15] Các đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, mức hình phạt, xử lý vật chứng đều phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Triệu Văn P, Triệu Văn T, Triệu Văn D, Hà Văn T, Nông Văn M, Nông Văn Y, Hà Văn T, Triệu Văn Q, Triệu Văn T, Triệu Văn C, Hà Văn T, Triệu Văn C, Hoàng Văn D, Nông Văn T, Triệu Văn P, Triệu Văn C phạm tội Đánh bạc.

2. Về hình phạt:

* Hình phạt chính:

- Căn cứ khoản 1, Điều 321; điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Triệu Văn Q.

Xử phạt bị cáo Triệu Văn Q 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

- Căn cứ khoản 1, Điều 321; điểm s, i, khoản 1, Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Hoàng Văn D, Nông Văn T; Hà Văn T, Hà Văn T (áp dụng thêm cho bị cáo Hà Văn T, Hà Văn T khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự).

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn D, Hà Văn T, Hà Văn T mỗi bị cáo 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Nông Văn T 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng).

Xác nhận bị cáo Hoàng Văn D đã nộp số tiền 30.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004052 ngày 03/7/2024; bị cáo Nông Văn T đã nộp số tiền 20.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004067 ngày 17/7/2024; bị cáo Hà Văn T đã nộp số tiền 20.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004065 ngày 17/7/2024; bị cáo Hà Văn T đã nộp số tiền 20.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004066 ngày 17/7/2024 tại Chi cục Thi hành án D sự huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Các bị cáo Hoàng Văn D, Hà Văn T, Hà Văn T đã nộp đủ số tiền phạt; Bị cáo Nông Văn T còn phải nộp tiền phạt là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Bị cáo Hoàng Văn D được trả lại số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án D sự huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

- Căn cứ khoản 1, Điều 321; điểm s, i, khoản 1, Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nông Văn M, Triệu Văn P, Triệu Văn P, Triệu Văn D, Triệu Văn T, Nông Văn Y, Triệu Văn T, Triệu Văn C, Hà Văn T, Triệu Văn C, Triệu Văn C (áp dụng thêm cho bị cáo Triệu Văn C khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự).

Xử phạt các bị cáo Nông Văn M, Triệu Văn P, Triệu Văn P mỗi bị cáo 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm kể từ ngày Tuyên án.

Xử phạt bị cáo Triệu Văn D 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày Tuyên án.

Xử phạt các bị cáo Triệu Văn T, Nông Văn Y, Triệu Văn T, Triệu Văn C, Hà Văn T, Triệu Văn C, Triệu Văn C mỗi bị cáo 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày Tuyên án.

Giao các bị cáo Triệu Văn P, Triệu Văn T, Triệu Văn D, Nông Văn M, Nông Văn Y, Triệu Văn T, Triệu Văn C, Hà Văn T, Triệu Văn C, Triệu Văn P, Triệu Văn C cho Ủy ban nhân dân xã TH, huyện BL, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính Qền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể Quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Q định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự".

* Hình phạt bổ sung: Không phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b, khoản 1, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b, khoản 2, điểm a, khoản 3, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 11.670.000 đồng (Mười một triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng).

Xác nhận số tiền 11.670.000 đồng hiện đang tạm gửi tại tài khoản tạm gửi của Chi cục Thi hành án D sự huyện BL, tỉnh Cao Bằng ngày 14/5/2024 và ngày 29/5/2024 tại kho bạc Nhà nước huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

- Tịch thu, tiêu huỷ: 01 (một) chiếc chiếu nhựa màu xanh – vàng – trắng (đã qua sử dụng); 02 (hai) chiếc chiếu nhựa màu xanh - đỏ – vàng – trắng (đã qua sử dụng); 01 (một) chiếc đĩa sứ màu trắng, hoa văn màu xanh – nâu – trắng (đã qua sử dụng); 04 (bốn) mảnh tre hình vuông có đặc điểm giống nhau,

kích thước các cạnh là 01 cm, dày 0,1 cm, một mặt giữ nguyên màu nâu, vàng của tre, một mặt được tô màu đen (đã qua sử dụng); 01 (một) chiếc bát nhựa màu trắng, hoạ tiết màu xanh (đã qua sử dụng); 01 (một) chiếc đĩa tre màu nâu, dài 24 cm, một đầu có đường kính 0,5 cm, đầu còn lại có đường kính 0,3 cm (đã qua sử dụng).

- Trả lại cho bị cáo Triệu Văn P 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Realme, màu vàng, có số IMEI1: xxx, số IMEI2: xxx, có ốp lưng trong suốt (đã qua sử dụng);

- Trả lại cho bị cáo Triệu Văn T 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A17, màu xanh, có số IMEI1: xxx, số IMEI2: xxx, có ốp lưng màu đỏ đen (đã qua sử dụng);

- Trả lại cho bị cáo Triệu Văn D 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu VIVO, màu xanh, có số IMEI1: xxx, số IMEI2: xxx, thời điểm giao nhận không kiểm tra được số IMEI (đã qua sử dụng);

- Trả lại cho bị cáo Triệu Văn T 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone 8, màu vàng, có số IMEI: xxx, có ốp lưng trong suốt, bên trong có 01 tờ tiền Trung Quốc, thời điểm giao nhận không kiểm tra được số IMEI (đã qua sử dụng);

- Trả lại cho bị cáo Nông Văn M 01(một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu VIVO, màu xanh, có số IMEI1: xxx, số IMEI2: xxx (đã qua sử dụng);

- Trả lại cho bị cáo Hà Văn T 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu VIVO, màu đen, có số IMEI1: xxx, số IMEI2: xxx, có ốp lưng trong suốt đã ố màu, thời điểm giao nhận không kiểm tra được số IMEI (đã qua sử dụng);

- Trả lại cho bị cáo Nông Văn Y 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Vsmart, màu đen, có số IMEI: xxx, có ốp lưng màu trắng-đỏ-xanh, thời điểm giao nhận không được kiểm tra được số IMEI (đã qua sử dụng);

- Trả lại cho bị cáo Triệu Văn C:

- + 01(một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu VIVO V15, màu xanh, có số IMEI1: 863481047835291, số IMEI2: xxx, có ốp lưng màu đen có hình con rồng, màn hình có vài vết nứt, thời điểm giao nhận không kiểm tra được số IMEI (đã qua sử dụng);

- + 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu đen, biển kiểm soát: 11M1: xxx, số khung: XXX, số máy: XXX, dung tích xi lanh: 109,2 cm³, kèm 01 chìa khoá xe, không có giấy tờ xe (đã qua sử dụng).

- Trả lại cho bị cáo Hà Văn T:

+ 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu VIVO, màu xanh, có số IMEI1: xxx, số IMEI2: xxx, có ốp lưng trong suốt đã bị ố màu (đã qua sử dụng);

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Airblade, màu đen, biển kiểm soát: 11M1: xxx, số khung: XXX, số máy: XXX, dung tích xi lanh: 125 cm³, kèm 01 chìa khoá xe, không có giấy tờ xe (đã qua sử dụng);

- Trả lại cho bị cáo Hà Văn T 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone X Plus, màu vàng, có số IMEI 1: xxx, số IMEI 2: xxx, có vết vỡ chỗ camera trước, thời điểm giao nhận không kiểm tra được số IMEI (đã qua sử dụng);

- Trả lại cho bị cáo Triệu Văn C:

+ 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu VIVO, màu đỏ, có số IMEI1: xxx, số IMEI2: xxx, thời điểm giao nhận không kiểm tra được số IMEI (đã qua sử dụng);

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius, màu vàng - trắng - đen, biển kiểm soát 11M1: XXX, số khung: XXX, số máy: xxx, vỏ đuôi đèn sau bị vỡ, kèm 01 chìa khoá xe, không có giấy tờ xe (đã qua sử dụng);

- Trả lại cho bị cáo Triệu Văn Q 01 (một) điện thoại di động bàn phím bấm nhãn hiệu NOKIA, màu đen, có số Serial: xxx, bật không lên nguồn (đã qua sử dụng);

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn D 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius, màu trắng – đỏ- đen, biển kiểm soát) 11M1: XXX, số máy: 5C6K-xxx, không kiểm tra được số khung, không có gương chiếu hậu bên phải, không có chìa khoá xe, không có giấy tờ xe (đã qua sử dụng);

- Trả lại cho bị cáo Nông Văn T 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu đen, biển kiểm soát: xxx, số khung: XXX, số máy: JA39E-xxx, không có gương chiếu hậu bên phải, không có chìa khoá và giấy tờ xe (đã qua sử dụng).

Xác nhận, các vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án D sự huyện BL, tỉnh Cao Bằng và được ghi chi tiết tại biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 39 ngày 18/6/2024.

4. Về án phí hình sự: Áp dụng điểm đ, khoản 1, Điều 12; Điều 14 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Q định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Triệu Văn P, Triệu Văn T, Triệu Văn D, Hà Văn T, Nông Văn M, Nông Văn Y, Hà Văn T, Triệu Văn Q, Triệu Văn T, Triệu Văn C, Hà Văn T, Triệu Văn C, Hoàng Văn D, Nông Văn T, Triệu Văn P, Triệu Văn C.

5. Về Qền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình

sự.

Các bị cáo có Qền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tuyên án.

Trong trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo Q định tại Điều 2 Luật Thi hành án D sự thì người được thi hành án D sự, người phải thi hành án D sự có Qền thoả thuận thi hành án, Qền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Q định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án D sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Q định tại Điều 30 Luật Thi hành án D sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện BL;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Tòa án nhân D tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan THAHS huyện BL;
- Thi hành án D sự huyện BL;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Hoàng Thị Kim